TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 993/2018/DS-PT Ngày: 05-11-2018 V/v tranh chấp hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 10, 02 và 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4026/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 7870/2018/QĐ-PT ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1958; địa chỉ thường trú: Số 59, tổ 7, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ tạm trú: LC 9.12, L, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 11 Khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 000712 ngày 10/01/2018, có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: Số 2335/3B khu phố B, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Căn hộ số 18.02, lô C1, Chung cư I, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Lê Văn M, sinh năm 1964, địa chỉ thường trú: Số 66, Đường M, phường P, Quận C; địa chỉ liên lạc: Số 120/37B, đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 004055 ngày 19/7/2017, có mặt).

2/ Bà Nguyễn Ngọc Thanh M, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 2335/3B khu phố B, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Căn hộ số 18.02 lô C1 Chung cư I, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Bà Trần Thị C, sinh năm 1962, địa chỉ thường trú: Số 39/2, khu phố H, Phường B, thị xã B, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: Số 19 Đường H, T, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 004620 ngày 10/8/2017, có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 334/63 đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/ Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 3B đường Q, quận Đ, Thành phố H (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 10 tháng 7 năm 2017 thay thế đơn khởi kiện nộp ngày 20 tháng 6 năm 2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Bá Q trình bày:

Ngày 08/6/2016, bà Nguyễn Thị Hoàng Y cho bà Nguyễn Ngọc L vay 400.000.000 đồng để đặt cọc mua căn hộ chung cư I tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho con gái là Nguyễn Ngọc Thanh M. Khi biết bà Y mới bán căn hộ chung cư ở quận Phú Nhuận, bà L đặt vấn đề với bà Y cho mẹ con bà L vay tiếp trong vòng 05 ngày sẽ hoàn lại. Do nhà của hai chị em ở gần nhau, qua lại thân thiết nên bà Y không nghi ngờ, ngay khi nhận được tiền bán nhà ở quận Phú Nhuận thì ngày 15/6/2016, con bà L là cô M lấy xe đón bà Y đến Ngân hàng Eximbank trên đường Trần Quang Khải, khi đến ngân hàng thì bà L và bà Nguyễn Thị Thu V đã chờ ở đó để bà Y chuyển 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của cô M.

Qua 10 ngày không thấy mẹ con bà L trả tiền, bà Y hỏi thì bà L năn nỉ bà Y cho rằng do có trục trặc trong việc mua bán đất nên đề nghị chậm trả tiền thêm 10 ngày nữa và bà Y đồng ý, tuy nhiên sau đó bà Y không nhận được tiền như lời hứa của bà L, thời điểm đó do bận ra Hà Nội để làm visa chuẩn bị đi

Châu Âu nên bà Y đã gọi điện, nhắn tin hối thúc, nhưng chỉ thấy bà L, cô M nhắn tin xin lỗi và không trả cho bà Y bất cứ khoản tiền nào.

Do bị bà Y hối thúc nên ngày 11/7/2016, cô M có lập một tài khoản đứng tên bà Y tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân để tiện lợi trong việc chuyển trả tiền. Ngày 14/7/2016, bà L chuyển cho bà Y 500.000.000 đồng qua tài khoản của bà Y ở Ngân hàng trên. Ngày 03/10/2016, cô M chuyển cho bà Y 50.000.000 đồng và gọi điện nói với bà Y rằng đây là tiền lãi mà bà L, cô M trả bà Y do vay mượn tiền trong thời gian vừa qua. Và khi bà Y mới về Việt Nam không có tiền tiêu, ngày 10/10/2016 cô M chuyển tiếp cho bà Y 200.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian này, ngày 15/7/2016, bà Y đặt cọc cho bà Bùi Thị Thanh H 200.000.000 đồng để đảm bảo việc mua căn nhà số 3B đường Q, quận Đ, Thành phố H với giá 3.000.000.000 đồng và cam kết sau 10 ngày kể từ ngày 15/7/2016 nếu bà Y không mua sẽ bị mất cọc. Ngày 22/8/2016, bà Y nhờ bạn đưa thêm cho bà H 500.000.000 đồng để tránh việc mất cọc, bà Y còn liên lạc với bà L, cô M nói về việc bà Y đang cần tiền gấp để mua căn nhà trên, nhưng đợi mãi bà L, cô M không trả cho bà Y nên bà Y không có tiền để thanh toán mua nhà nêu trên. Ngày 04/9/2016, bà Y gặp bà H và bà H chỉ đồng ý trả lại cho bà Y 500.000.000 đồng và bà Y phải chịu mất cọc 200.000.000 đồng.

Khi trở về nước, ngày 20/10/2016, bà Y yêu cầu bà L, cô M viết giấy thì họ viết và ký mượn tiền ghi nhận việc bà L, cô M nợ bà Y 2.500.000.000 đồng và cam kết trả vào ngày 01/11/2016, trong trường hợp không trả hết số nợ trên thì bà L phải sang tên cho bà Y thửa đất số 69, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3.120,5m^2, lúc viết giấy nợ này bà Y chỉ được bà L, cô M cung cấp bản sao giấy chủ quyền và bà Y đã bị thất lạc giấy tờ trên. Ngày 17/01/2017, bà L sang nhà đưa cho bà Y 700.000.000 đồng tiền mặt và bà Y viết biên nhận giao cho bà L, bà L có hứa qua rằm sẽ trả bà Y hết số tiền còn lại, nhưng đến nay bà Y vẫn chưa nhận thêm được bất cứ khoản tiền nào từ bà L, cô M. Nay tại Tòa án, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn đã sửa đổi, bổ sung yêu cầu xác định cụ thể như sau:

Buộc bà L, cô M phải liên đới trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho bà Y tổng số tiền là 2.307.313.927 đồng (Hai tỉ, ba trăm lẻ bảy triệu, ba trăm mười ba nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó:

- Tiền gốc còn nợ theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 1.800.000.000 đồng;

- Tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 307.313.927 đồng, cụ thể như sau:

Từ ngày 02/11/2016 đến ngày 31/12/2016 với mức lãi suất 9%/năm trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng là 37.500.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/01/2017 với mức lãi suất 10%/năm trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng là 10.416.667 đồng.

Từ ngày 18/01/2017 đến ngày 29/6/2018 với mức lãi suất 10%/năm trên

nợ gốc 1.800.000.000 đồng là 259.397.260 đồng.

- Buộc bà L, cô M phải liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho bà Y 200.000.000 đồng do bà Y bị mất tiền đặt cọc mua nhà của bà H.

Bà Y yêu cầu cô M phải cùng liên đới với bà L trả số tiền trên, vì theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 cả bà L và cô M ký xác nhận còn nợ bà Y 2.500.000.000 đồng, một số đợt trả tiền do cô M trả cho bà Y qua tài khoản ngân hàng của cô M, đồng thời qua các tin nhắn đã được lập vi bằng thể hiện cô M có liên quan đến số tiền vay nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L có người đại diện hợp pháp là ông Lê Văn M trình bày:

Trước đây, bà Y là luật sư nhận bảo vệ cho bà L một vụ kiện, qua nhiều lần đi lại quen biết, bà Y biết bà L làm về bất động sản nên ngỏ ý đưa tiền cho bà L kinh doanh có lãi thì chia cho bà Y. Qua quá trình hợp tác làm ăn, bà L có vay của bà Y tổng số tiền là 3.200.000.000 đồng, bà L đã trả tiền cho bà Y nhiều lần, theo đó, ngày 14/7/2016 trả 500.000.000 đồng, ngày 03/10/2016 trả 50.000.000 đồng, ngày 10/10/2016 trả 200.000.000 đồng, ngày 17/01/2016 trả 700.000.000 đồng. Sau đó, bà L có trả tiếp cho bà Y 400.000.000 đồng có giấy tờ xác nhận của bà Y ến, nếu trừ đi thì bà L chỉ còn nợ bà Y 1.350.000.000 đồng, nhưng do bà L làm thất lạc giấy biên nhận này nên không thể cung cấp cho Tòa án được, do đó, bà L chấp nhận không tính số tiền này trừ vào nợ gốc.

Tại phiên tòa, đại diện bà L xác nhận bà L là người vay số tiền nêu trên của bà Y ến, hoàn toàn không liên quan đến bà M, việc bà M ký tên vào giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 (không phải ngày 20/8/2016) nhằm mục đích chứng kiến sự việc, còn những tin nhắn do đại diện nguyên đơn trình bày không phải là số điện thoại của bà M. Việc bà Y chuyển tiền vào tài khoản của bà M là do bà L không có số tài khoản nên nhờ chuyển vào số tài khoản của bà M.

Bà L xác định số tiền 50.000.000 đồng trả vào ngày 03/10/2016 là để trả tiền gốc đã mượn chứ không phải trả tiền lãi như trình bày của đại diện nguyên đơn, cấn trừ khoản tiền này thì bà L xác nhận còn nợ gốc là 1.750.000.000 đồng và đồng ý với nguyên đơn về cách tính thời hạn, lãi suất đối với phần tiền gốc 2.500.000.000 đồng, nhưng không đồng ý tính tiền lãi đối với phần tiền gốc 1.800.000.000 đồng mà phải tính trên nợ gốc còn 1.750.000.000 đồng. Bà L cũng không đồng ý bồi thường 200.000.000 đồng cho bà Y vì bà hoàn toàn không biết việc mua nhà giữa bà Y với bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh M có người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị C trình bày:

Trước đây, bà L nhờ bà Y là luật sư tham gia một vụ kiện do quen biết nhau. Năm 2016, bà Y muốn cho bà L vay tiền để kinh doanh bất động sản vì theo bà gửi Ngân hàng sẽ được lãi suất thấp. Bà L đồng ý mượn 2.800.000.000 đồng, nên ngày 15/6/2016 bà Y gọi bà L đến nhà lấy tiền nhưng do bà L đi công tác xa nên bà Y yêu cầu chuyển 2.800.000.000 đồng vào tài khoản cô M, do bà L không có số tài khoản nên bà Y chuyển số tiền trên vào tài khoản của cô M.

Sau khi nhận được tiền bà Y chuyển, cô M đã rút toàn bộ số tiền trên và giao cho bà L, do bà L không có số tài khoản nên bà L đã nhờ cô M chuyển trả cho bà Y chuyển 50.000.000 đồng vào ngày 03/10/2016 và 200.000.000 đồng vào ngày 10/10/2016.

Cô M không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc cô M phải liên đới với bà L chịu trách nhiệm trả số nợ gốc 1.800.000.000 đồng cho bà Y vì cô M không liên quan đến việc vay nợ này. Việc ngày 20/10/2016 không phải ngày 20/8/2016, bà Y yêu cầu bà L ghi giấy nhận nợ để làm việc với khách và nhờ cô M ký với tư cách là người làm chứng, do tin tưởng mối quan hệ giữa bà Y và bà L nên cô M mới ký vào giấy tờ trên, nên cô M không có nghĩa vụ trả bất cứ khoản tiền nào cho bà Y ến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 và Khoản 4 Điều 474, Điều 604, Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 688, Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M cùng chịu trách nhiệm liên đới trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y tổng số tiền là 2.307.313.927 đồng (Hai tỉ, ba trăm lẻ bảy triệu, ba trăm mười ba nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), bao gồm:

- Tiền gốc còn nợ theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 1.800.000.000 đồng (Một tỉ, tám trăm triệu đồng);

- Tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 307.313.927 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu, ba trăm mười ba nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

Tiền lãi được tính từ ngày 02/11/2016 đến ngày 31/12/2016 trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng với mức lãi suất 9%/năm là 37.500.000 đồng.

Tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/01/2017 trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 10.416.667 đồng.

Tiền lãi được tính từ ngày 18/01/2017 đến ngày 29/6/2018 trên nợ gốc 1.800.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 259.397.260 đồng.

- Tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Hoàng Y bị mất tiền đặt cọc mua nhà số 3B, đường Q, quận Đ, Thành phố H của bà Bùi Thị Thanh H.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 để bảo đảm cho việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc Thanh M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo – bà Nguyễn Ngọc Thanh M do bà Trần Thị C đại diện trình bày: Kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bà M không liên quan đến việc vay nợ của bà L, liên quan đến căn hộ là tài sản chung của vợ chồng bà M nhưng cấp sơ thẩm không đưa chồng bà M và Ngân hàng vợ chồng bà M đã thế chấp tài sản vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Tòa án nhân dân quận 2 ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không tống đạt cho bà M nên bà M không được biết việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ông Lê Văn M đại diện người kháng cáo bà Nguyễn Ngọc L trình bày: Việc bà L mượn tiền bà Y không có có thỏa thuận trả lãi, bà L đã chuyển trả cho bà Y 3 lần, hiện bà L chỉ còn nợ bà Y 1.750.000.000 đồng. Giấy nhận nợ của bà L ngày 20/10/2016 chỉ là giấy xác nhận nợ, số tiền mượn nợ đã giao từ trước đó, bà M không mượn tiền bà Y và không sử dụng số tiền đó. Tòa án nhân dân Quận 2 ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không tống đạt cho bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bà L yêu cầu không trả lãi, chỉ trả nợ gốc là 1.750.000.000 đồng, bà L không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng bà Y do bị mất cọc mua nhà.

Đại diện nguyên đơn – ông Nguyễn Bá Q trình bày: Đề nghị Hội đồng xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DSST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân quận 2 theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải liên đới trả nợ và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng tiền mất cọc mua nhà, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Ngọc L

phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền nợ gốc 1.800.000.000 đồng và lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên, các yêu cầu khác của nguyên đơn đối với bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Thanh M do bà Trần Thị C đại diện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và hủy bản án sơ thẩm như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ giữa bà L, bà M và bà Y không có thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay, các bên chỉ giao nhận bản phô-tô hợp đồng mua bán căn hộ, bản chính biên bản định giá tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản giữa vợ chồng bà M với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đây cũng không phải giao nhận bản chính giấy tờ có giá trị để làm tin, nguyên đơn cũng không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả nợ nên không cần thiết phải đưa ông H vào tham gia tố tụng và càng không có cơ sở đưa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q vào tham gia tố tụng. Về ý kiến của các đồng bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân Quận 2 đã không tống đạt cho các bị đơn Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 8 năm 2017 theo quy định pháp luật, xét theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ngày 04/8/2017 Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định nói trên tại nơi cư trú của các bị đơn, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Quận 12 và tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, xét không có cơ sở hủy bản án sơ thẩm như yêu cầu của bà M.

Về kháng cáo của bà L yêu cầu xác định số nợ gốc là 1.750.000.000 đồng không phải 1.800.000.000 đồng như yêu cầu của nguyên đơn, theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm nhận thấy, đối với khoản nợ vay các bên chỉ còn tranh chấp về số tiền 50.000.000 đồng bà M chuyển cho bà Y vào ngày 03/10/2016 là trừ vào tiền gốc hay trả tiền lãi, căn cứ vào các lần chuyển giao tiền vay thì bà Y đã giao cho bà L, bà M 2 lần tổng cộng 3.200.000.000 đồng. Trước khi bà L viết và ký giấy xác nhận nợ có kèm theo chữ ký và ghi rõ họ tên của bà M xác nhận số nợ 2.500.000.000 đồng thì bà L và bà M đã trả cho bà Y 3 lần tổng cộng 750.000.000 đồng, trong đó bà Y cho rằng 700.000.000 đồng là trừ vào nợ gốc, 50.000.000 đồng là bà L bà M trả lãi do chậm trả nợ nên bà L, bà M mới xác nhận còn nợ bà Y 3.200.000.000 đồng – 700.000.000 đồng = 2.500.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của bà Y. Đại diện bà L cho rằng 50.000.000 đồng trừ vào tiền gốc không phải trả lãi nhưng bà L không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, hơn nữa nếu tính 50.000.000 đồng trừ vào tiền gốc thì không phù hợp với sự xác nhận nợ của bà L, bà M ngày 20/10/2016. Sau đó, bà L bà M trả tiếp cho bà Y 700.000.000 đồng có sự thừa nhận của bà Y; do đó, xác định sồ tiền bà L, bà M còn nợ bà Y là 1.800.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L không trả lãi vì đây là tiền mượn không phải tiền vay, căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 thì bị đơn hứa đến ngày 01/11/2016 sẽ trả số tiền đã mượn cho nguyên đơn nhưng không trả nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp quy định pháp luật. Về thời hạn tính lãi và mức lãi suất trên tiền nợ gốc tại từng thời điểm thanh toán theo cách tính của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của đại diện bà L, phù hợp quy định pháp luật tại Khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn theo như bản án đã tuyên là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà L và bà M cho rằng bà M không vay tiền của bà Y, cấp sơ thẩm đã đáng giá toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà M tham gia từ việc nhận tiền vay và không chứng minh được việc đã giao tiền vay cho bà L; bà M đã trả một phần tiền vay cho bà Y từ tài khoản của bà M, bà M và bà L đều không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bà M ký tên là người làm chứng trong giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 và bà M chỉ là người nhận tiền và trả tiền cho bà Y giùm cho bà L. Bên cạnh đó, theo nội dung Vi bằng số 465/2017/VB-VPTPLBT ngày 02/11/2017 của Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Thạnh (bút lục số 59) thể hiện nội dung tin nhắn điện thoại của bà M gửi cho bà Y việc thỏa thuận với bà Y sẽ sang tên nhà cho bà Y để trả nợ điều này có nghĩa là bà M cùng nhận trách nhiệm trả khoản nợ đã vay, nhưng bà M cho rằng số điện thoại này không phải của bà, tuy nhiên, các nội dung thông tin trong Vi bằng lại phù hợp với các tình tiết sự việc trong quá trình giao dịch vay mượn, chuyển tiền giữa các bên và hơn nữa có những tin nhắn bà M chủ động nhắn tin cho bà Y nội dung xin khất nợ thêm một tháng sẽ trả nợ cho bà Y. Từ những chứng cứ và lập luận nêu trên thấy rằng cấp sơ thẩm buộc bà M liên đới cùng bà L trả nợ cho bà Y là có cơ sở.

Từ những lập luận trên, cần giữ nguyên án bản sơ thẩm phần tiền vay buộc bà L và bà M liên đới trả cho bà Y tổng số nợ vay và lãi là 2.107.313.927 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng, căn cứ vào giấy nhận cọc ngày 15/7/2016 và lời khai xác nhận của bà Bùi Thị Thanh H thì thực tế bà Y có thiệt hại về việc mất số tiền đặt cọc mua căn nhà số 3B đường Q, quận Đ, Thành phố H của bà H. Tuy nhiên, xét về mối quan hệ nhân quả thì thấy rằng, thời điểm bà Y mua nhà và phải chịu mất tiền đặt cọc này nằm trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2016 đến tháng 9/2016, xét hậu quả xảy ra có mối liên hệ về thời gian thì bà L và bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền với bà Y là vào ngày 20/6/2016 và ngày 08/7/2016 trước ngày bà Y tiến hành giao tiền đặt cọc mua nhà cho bà H (ngày 15/7/2016). Tại thời điểm bà L, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán với bà Y thì hành vi vi phạm chưa hàm chứa khả năng gây ra hậu quả, chưa có mối liên hệ tất yếu giữa nguyên nhân và hậu quả, trước khi bà Y mua nhà bà phải dự liệu được khoản tiền để thanh toán và nếu cần thiết phải có thông báo trực tiếp đến bà L về việc mua nhà và hậu quả xảy ra nếu bà L, bà M

không trả nợ nhưng bà Y không có chứng cứ chứng minh việc thông báo với bà L, bà M chỉ đến khi sự việc mất tiền cọc xảy ra bà mới thông báo cho bà L; do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Y như án sơ thẩm đã tuyên; cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc buộc bà L và bà M liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm về việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2017/QĐ-BPKCTT ngày 01 tháng 8 năm 2017 là chưa phù hợp; việc thay đổi, áp dụng bổ sung, hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 137, 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, do bà Y trên 60 tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Yến. Bà L và bà M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Y 2.107.313.927 đồng tương đương số tiền 74.146.279 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên bà L, bà M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 2:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y tổng số tiền là 2.107.313.927 đồng (Hai tỉ một trăm lẻ bảy triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), bao gồm:

- Tiền gốc còn nợ theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 1.800.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm triệu đồng);

- Tiền lãi theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2016 là 307.313.927 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

Tiền lãi được tính từ ngày 02/11/2016 đến ngày 31/12/2016 trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng với mức lãi suất 9%/năm là 37.500.000 đồng.

Tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/01/2017 trên nợ gốc 2.500.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 10.416.667 đồng.

Tiền lãi được tính từ ngày 18/01/2017 đến ngày 29/6/2018 trên nợ gốc 1.800.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 259.397.260 đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Hoàng Y bị mất tiền đặt cọc mua nhà số 3B, đường Q, quận Đ, Thành phố H của bà Bùi Thị Thanh H.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M phải chịu trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 74.146.279 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 64.762.500 đồng (Sáu mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AE/2014/0008222 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc Thanh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà L và bà M mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0015359 và số AA/2017/0015360 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vũ Thị Thu Hương